

Bản án số: 15/2018/KDTM-ST
Ngày 18 tháng 5 năm 2018
Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HC- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thanh Nga
- *Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng
 - 2. Ông Huỳnh Thanh Trà
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân quận HC, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa: Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HC- TP Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 56/2017/TLST-KDTM ngày 24/8/2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST-KDTM ngày 20/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-KDTM ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Công ty HC.*
Địa chỉ: Phan Bội Châu, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
Địa chỉ liên hệ: 53 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1991 (tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 858/UQ/INTIMEX-TT ngày 05/12/2017 của Tổng Giám đốc Công ty HC. (có mặt)

- *Bị đơn: Công ty TT.*
Trụ sở tại: 19A đường C, phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn H, chức vụ: Giám đốc Công ty. (ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty HC trình bày:

Quan hệ giữa Công ty HC với Công ty TT được xác lập thông qua Hợp đồng mua bán số 139/2015/HĐMB/ngày 02/11/2015, phụ lục hợp đồng 01/PLHĐ-2015 ngày 12 tháng 12 năm 2015 và phụ lục hợp đồng 02/PLHĐ-2016

ngày 03/01/2016 để cung cấp bê tông cho công trình tại: Khách sạn BaViCo-Đường D, TP.Đà Nẵng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty HC đã thực hiện giao bê tông cho Công ty TT tại công trình theo từng đợt với khối lượng và chất lượng đúng theo yêu cầu. Đồng thời Công ty HC cũng đã thực hiện nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho Công ty TT tương ứng với giá trị từng đợt giao hàng.

Với tư cách là bên mua, Công ty TT chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền đầy đủ cho Công ty HC đúng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo số liệu công nợ thể hiện tại Biên Bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/05/2017 thể hiện, tính đến hết ngày 31/05/2017 công ty TT còn nợ Công ty HC số tiền **2.656.916.000 đồng** (hai tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm mười sáu ngàn đồng chẵn). Số công nợ này, tại Công văn số 1901-2017/CV-TT ngày 19/01/2016 đại diện Công ty TT đã cam kết sẽ thực hiện thanh toán 30% vào quý 1/2017 và 70% còn lại sẽ trả dứt điểm vào quý 2/2017. Tuy nhiên, cam kết này cho đến nay vẫn chưa được Công ty TT thực hiện.

Như vậy, theo hợp đồng với trách nhiệm của bên bán đã được Công ty HC thực hiện xong; với tư cách là bên mua, Công ty TT vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết tại Điều 3.2.2 của hợp đồng.

Yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn :

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua bán hàng chưa được thanh toán và lãi suất chậm thanh toán như sau :

1. Nợ gốc: 2.656.916.000 đồng

2. Lãi chậm thanh toán: 331.901.945 đồng (tính đến 18/5/2018)

Tổng cộng : **2.988.817.945 đồng**

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận HC đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty TT để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng Công ty TT đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến, nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi HĐXX vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận HC chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty HC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TT là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngày 02 tháng 11 năm 2015, Công ty TT (bên mua) có cùng Công ty HC (bên bán) ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 139/2015/HĐMB. Tại điều 6 của Hợp đồng các bên đã thỏa thuận: "...tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Đà Nẵng để giải quyết, ...". Như vậy, Tòa án nhân dân quận HC, thành phố Đà Nẵng (Tòa án nơi thực hiện hợp đồng) là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét Hợp mua bán hàng hóa số 139/2015/HĐMB ngày 02/01/2015 và các Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD-2015 ngày 12/12/2015, số 02/PLHD-2016 ngày 03/01/2016 giữa Công ty TT và Công ty HC thì thấy, theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng Công ty HC cung ứng cho Công ty TT bê tông thương phẩm, đơn giá theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký; thời hạn thanh toán không quá 20 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn của mỗi tháng. Ngoài ra, trong hợp đồng còn quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên tiến hành mua bán, giao nhận hàng theo cam kết. Đến ngày 31/5/2017, Công ty TT và Công ty HC đối chiếu công nợ. Theo đó, Công ty TT xác nhận còn nợ Công ty HC số tiền 2.656.916.000 đồng.

[5] Việc Công ty TT không trả nợ cho Công ty HC là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điểm 3.2.2 Điều 3 của Hợp đồng đã ký giữa các bên. Căn cứ Điều 50 Luật thương mại, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty HC, buộc Công ty TT phải thanh toán cho Công ty HC số tiền mua hàng còn nợ là 2.656.916.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của Công ty HC về việc buộc Công ty TT trả tiền lãi chậm thanh toán là: 331.901.945 đồng với mức lãi suất 13%/năm, thời gian tính từ 01/6/2017 đến 18/5/2018.

Xét thấy mức lãi suất này phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại điều 306 Luật thương mại và thỏa thuận của các bên tại Điều 3.4 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 139/2015/HĐMB nên yêu cầu tính lãi của Công ty HC là có căn cứ, cần chấp nhận; buộc Công ty TT phải thanh toán cho Công ty HC số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 18/5/2018 là: 331.901.945 đồng.

[7] Như vậy, Công ty TT phải thanh toán cho Công ty HC tổng cộng là: **2.988.817.945 đồng.**

[8] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn là Công ty TT phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.395.329đ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên quyết định

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

- Điều 40, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty HC đối với Công ty TT.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TT phải trả cho Công ty HC số tiền tổng cộng là: **2.988.817.945** đồng (hai tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, tám trăm mười bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó gồm:

+ Nợ gốc tiền hàng là: 2.656.916.000 đồng

+ Nợ lãi: 331.901.945 đồng (tính đến 18/5/2018).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 91.776.358 đồng (chín mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng)

- Công ty HC không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho Công ty HC số tiền 43.366.234 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 009699 ngày 24/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC-TP Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND quận HC;

- Chi cục THA quận HC

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Thanh Nga